TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy
- *Các Hội thẩm nhân dân*:Ông Quản Giang Thao
Bà Nguyễn Thị Tân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 105/2025 ngày 15 tháng 8 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị L - Sinh ngày 24/02/1982
Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038182031996.
Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Công C - Sinh ngày 09/02/1981
Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038081005752.
Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/8*/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Mai Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Công C tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H cũ (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa ngày 15/7/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, xúc phạm lẫn nhau. Sau đó anh Đoàn Công C phạm

tội phải đi chấp hành án phạt tù trong thời gian dài dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Công C.

Về con cái: Chị và anh C có 02 con chung là Đoàn Thu P, sinh ngày 18/12/2005 và Đoàn Công H, sinh ngày 08/11/2012. Cháu Đoàn Thu P đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi cháu P. Cháu Đoàn Công H hiện đang ở với anh C và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Khi ly hôn, chị L đề nghị anh C trực tiếp nuôi cháu H; chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Chị Mai Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Mai Thị L còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh cháu Đoàng Thu P1 và Đoàn Công H; Căn cước công dân của chị L (bản sao); Giấy xác nhận thông tin cư trú của vợ chồng; Đơn từ chối chuyển trung tâm hòa giải đối thoại; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 15/8/2025 và Đơn xin xét xử vắng mặt; trong đơn, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

* *Tại Bản tự khai ngày 22/8/2025,* bị đơn là anh Đoàn Công C thừa nhận cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như chị Mai Thị L đã trình bày trình bày. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị. Về con chung, anh C công nhận số con chung của vợ chồng như chị L đã trình bày. Anh chấp nhận yêu cầu của chị L về trách nhiệm nuôi con chung. Theo đó, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đoàn Công H; chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản và công nợ, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo bản tự khai, anh C còn nộp cho Tòa án Đơn xin xét xử vắng mặt; trong đơn, anh giữ nguyên quan điểm như bản tự khai đã nộp cho Tòa án.

* *Tại Bản tự khai ngày 18/8/2025,* cháu Đoàn Công H là cong của anh chị L và anh C đề nghị được ở với anh C.

* *Tại phiên tòa:* Chị Mai Thị L và anh Đoàn Công C đều có đơn xin xử vắng mặt.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn xã M, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tô tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh C.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị L và anh Đoàn Công C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H cũ (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa ngày 15/7/2005 nên hôn nhân giữa chị L và anh C là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát do: Tính cách không hợp, quan điểm sống không giống nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, to tiếng, xúc phạm nhau. Chị L và anh C đều có nguyện vọng được ly hôn. Chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị L và anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Mai Thị L và anh Đoàn Công C có 02 con chung là Đoàn Thu P, sinh ngày 18/12/2005 và Đoàn Công H, sinh ngày 08/11/2012. Chị L và anh C đều không yêu cầu xem xét trách nhiệm nuôi cháu P và đề nghị giao cháu H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của chị L và anh C là giống nhau và phù hợp với nguyện vọng của cháu H; phù hợp với quy định tại các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị L và anh C. Theo đó, giao cháu Đoàn Công H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng 2.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2025 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi. Chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Mai Thị L và anh Đoàn Công C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Mai Thị L là nguyên đơn, phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Đoàn Công C không phải chịu án phí.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, nhân dân Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa Mai Thị L và anh Đoàn Công C.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Công H, sinh ngày 08/11/2012, là con chung của chị Mai Thị L và anh Đoàn Công C cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2025 cho đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Mai Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (tổng cộng tiền án phí chị L phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Số tiền án phí chị L phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000346 ngày 15/8/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh cũ (này là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9) tỉnh Thanh Hóa; chị L nộp còn thiếu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thanh Hóa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9;*
- *UBND xã Mậu Lâm;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *Chi cục THA DS (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đình Huy